

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



PHẠM VIỆT XUYÊN

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG
NGHIỆP VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG SỬ DỤNG
HỢP LÝ TẠI HUYỆN SƠN DƯƠNG –
TỈNH TUYÊN QUANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP

THÁI NGUYÊN NĂM 2012

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sơn Dương là một huyện miền núi nằm ở phía Nam của tỉnh Tuyên Quang có diện tích tự nhiên 78.783,51 ha, chiếm 13,43% diện tích tự nhiên toàn tỉnh (586.732,71 ha). Trong những năm qua Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương đã phát huy truyền thống quê hương các mạng Tân Trào, phát huy những tiềm năng lợi thế của địa phương, nỗ lực phấn đấu, tích cực, thi đua lao động sản xuất, tạo sự chuyển biến rõ rệt trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Tuy nhiên việc sử dụng đất của huyện trong những năm qua cho thấy còn nhiều hạn chế: chưa khoanh định được diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ, đối với đất lâm nghiệp chưa thực hiện nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa còn chậm, phát triển nuôi trồng thủy sản và các hoạt động dịch vụ, du lịch trên địa bàn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương. Bên cạnh đó diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do phải chuyển mục đích sang các loại đất khác, việc bù đắp lại diện tích đất trồng lúa bị mất là vô cùng khó khăn.

Vì vậy, việc nghiên cứu để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực và giữ gìn được bản sắc của địa phương là một yêu cầu hết sức quan trọng và cần thiết trong thời gian tới. Xuất phát từ thực tế đó, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Trần Viết Khanh, tôi đã tiến hành nghiên cứu đề tài: ***"Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và đề xuất hướng sử dụng hợp lý tại huyện Sơn Dương - tỉnh Tuyên Quang"***

2. Mục tiêu của đề tài

- Đánh giá được thực trạng sử dụng đất nông nghiệp làm căn cứ đề xuất loại hình sử dụng đất phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội của địa phương nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

3. Yêu cầu của đề tài

- Đề tài nghiên cứu trên cơ sở các thông tin số liệu, tài liệu điều tra phải trung thực, chính xác đảm bảo độ tin cậy, phản ánh đúng thực trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu.

- Phân tích, xử lý số liệu khoa học, định lượng bằng các phương pháp nghiên cứu phù hợp và cập nhật.

- Các đề xuất phải có ý nghĩa thực tiễn và có tính khả thi cao.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của huyện Sơn Dương trong việc quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp. Các khuyến cáo về loại hình sử dụng đất sẽ cung cấp cho nông dân lựa chọn hợp lý để chuyển đổi cơ cấu sản xuất đạt hiệu quả cao.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

1.1 Một số lý luận về sử dụng đất nông nghiệp và tình hình sử dụng đất nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam.

1.1.1 Một số lý luận về sử dụng đất nông nghiệp

1.1.1.1 Đất nông nghiệp

Đất là nguồn tài nguyên quý giá mà thiên nhiên ban tặng cho con người, là nơi họ sinh ra, sống và lớn lên. Nhà Thổ nhưỡng lỗi lạc người Nga, Docutraiep cho rằng “Đất là vật thể thiên nhiên cấu tạo độc lập, lâu đời do kết quả của quá trình hoạt động tổng hợp của 5 yếu tố hình thành bao gồm: đá, thực vật, động vật, khí hậu, địa hình, thời gian” [4]. Về sau, một số học giả khác đã bổ sung thêm các yếu tố như nước ngầm và đặc biệt là vai trò của con người để hoàn chỉnh khái niệm nêu trên. Học giả người Anh, Wiliam lại đưa ra khái niệm về đất như sau: “Đất là lớp mặt tối xốp của lục địa có khả năng tạo ra sản phẩm từ cây trồng” [38]. Bàn về vấn đề này, C.Mác đã viết: “Đất là tư liệu sản xuất cơ bản và phổ biến quý báu nhất của sản xuất nông nghiệp”, ...là “điều kiện không thể thiếu cho sự tồn tại và sinh sống của loài người” [4]. Trong phạm vi nghiên cứu về sử dụng đất, đất đai được nhìn nhận là một nhân tố sinh thái, bao gồm tất cả các thuộc tính sinh học và tự nhiên của bề mặt trái đất có ảnh hưởng sử dụng đất [36].

Theo quan niệm của các nhà thổ nhưỡng và quy hoạch Việt Nam cho rằng “Đất là phần trên mặt của vỏ trái đất mà ở đó cây cối có thể mọc được” [4] và đất đai được hiểu theo nghĩa rộng: “Đất đai là một diện tích cụ thể của bề mặt trái đất, bao gồm tất cả các yếu tố cấu thành của môi trường sinh thái ngay trên và dưới bề mặt bao gồm: khí hậu, thời tiết, thổ nhưỡng, địa hình, mặt nước, các lớp trầm tích sát bề mặt cùng với nước ngầm và khoáng sản

trong lòng đất, động thực vật, trạng thái định cư của con người, những kết quả của con người trong quá khứ và hiện tại để lại” [4].

Với ý nghĩa đó, đất nông nghiệp là đất được sử dụng chủ yếu vào sản xuất của các ngành nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hoặc sử dụng vào mục đích nghiên cứu thí nghiệm về nông nghiệp. Khi nói đất nông nghiệp người ta nói đất sử dụng chủ yếu vào sản xuất của các ngành nông nghiệp, bởi vì thực tế có trường hợp đất đai được sử dụng vào mục đích khác nhau của các ngành. Trong trường hợp đó, đất đai được sử dụng chủ yếu cho hoạt động sản xuất nông nghiệp mới được coi là đất nông nghiệp, nếu không sẽ là các loại đất khác (tùy theo việc sử dụng vào mục đích nào là chính).

Luật đất đai năm 2003 nêu rõ: “Đất nông nghiệp là đất sử dụng vào mục đích sản xuất, nghiên cứu, thí nghiệm về nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, làm muối và mục đích bảo vệ, phát triển rừng, bao gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất sản xuất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác”.

1.1.1.2 Vai trò đất nông nghiệp

Đất đai là tài nguyên thiên nhiên của mỗi quốc gia, đóng vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, nó là cơ sở tự nhiên, là tiền đề cho mọi quá trình sản xuất nhưng vai trò của đất đối với mỗi ngành sản xuất có tầm quan trọng khác nhau. C.Mác đã nhấn mạnh “Lao động chỉ là cha của cải vật chất, còn đất là mẹ” [4]. Hiến pháp năm 1992 quy định: “Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch và pháp luật” [15], Luật đất đai 2003 khẳng định “Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh và quốc phòng”[19]. Trong sản xuất nông lâm nghiệp, đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt không thể thay thế, với những đặc

điểm:

- Đất đai được coi là tư liệu sản xuất chủ yếu trong sản xuất nông lâm nghiệp, bởi vì nó vừa là đối tượng lao động vừa là tư liệu lao động trong quá trình sản xuất. Đất đai là đối tượng bởi lẽ nó là nơi con người thực hiện các hoạt động của mình tác động vào cây trồng vật nuôi để tạo ra sản phẩm.

- Đất đai là loại tư liệu sản xuất không thể thay thế: bởi vì đất đai là sản phẩm của tự nhiên, nếu biết sử dụng hợp lý, sức sản xuất của đất đai ngày càng tăng lên. Điều này đòi hỏi trong quá trình sử dụng đất phải đứng trên quan điểm bồi dưỡng, bảo vệ, làm giàu thông qua những hoạt động có ý nghĩa của con người.

- Đất đai là tài nguyên bị hạn chế bởi ranh giới đất liền và bề mặt địa cầu [38]. Đặc điểm này ảnh hưởng đến khả năng mở rộng quy mô sản xuất nông - lâm nghiệp và sức ép về lao động và việc làm, do nhu cầu nông sản ngày càng tăng trong khi diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp. Việc khai khẩn đất hoang hóa đưa vào hoạt động sản xuất nông nghiệp đã làm cho quỹ đất nông nghiệp tăng lên. Đây là xu hướng vận động cần khuyến khích.

Tuy nhiên, đất đưa vào hoạt động sản xuất nông nghiệp là đất hoang hóa, nằm trong quỹ đất chưa sử dụng. Vì vậy, cần phải đầu tư lớn sức người và sức của. Trong điều kiện nguồn lực có hạn, cần phải tính toán kỹ để đầu tư cho công tác này thực sự có hiệu quả.

- Đất đai có vị trí cố định và chất lượng không đồng đều giữa các vùng, các miền [38]. Mỗi vùng đất luôn gắn với các điều kiện tự nhiên (thổ nhưỡng, thời tiết, khí hậu, nước,...) điều kiện kinh tế - xã hội (dân số, lao động, giao thông, thị trường,...) và có chất lượng đất khác nhau. Do vậy, việc sử dụng đất đai phải gắn liền với việc xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho phù hợp để nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao trên cơ sở nắm chắc điều kiện của từng vùng lãnh thổ.

- Đất đai được coi là một loại tài sản, người chủ sử dụng có quyền nhất định do pháp luật của mỗi nước qui định: tạo thuận lợi cho việc tập trung, tích tụ và chuyển hướng sử dụng đất từ đó phát huy được hiệu quả nếu biết sử dụng đầy đủ và hợp lý.

Như vậy, đất đai là yếu tố hết sức quan trọng và tích cực của quá trình sản xuất nông nghiệp. Thực tế cho thấy thông qua quá trình phát triển của xã hội loài người, sự hình thành và phát triển của mọi nền văn minh vật chất - văn minh tinh thần, các thành tựu vật chất, văn hoá khoa học đều được xây dựng trên nền tảng cơ bản đó là đất và sử dụng đất, đặc biệt là đất nông lâm nghiệp. Vì vậy, sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả là một trong những điều kiện quan trọng nhất cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

1.1.1.3 Nguyên tắc sử dụng đất nông nghiệp

- Đất nông nghiệp phải được sử dụng đầy đủ, hợp lý. Điều này có nghĩa là toàn bộ diện tích đất cần được sử dụng hết vào sản xuất, với việc bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điểm của từng loại đất nhằm nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi đồng thời gìn giữ bảo vệ và nâng cao độ phì của đất.

- Đất nông nghiệp phải được sử dụng đạt hiệu quả cao. Đây là kết quả của việc sử dụng đầy đủ, hợp lý đất đai, việc xác định hiệu quả sử dụng đất thông qua tính toán hàng loạt các chỉ tiêu khác nhau: năng suất cây trồng, chi phí đầu tư, hệ số sử dụng đất, giá cả sản phẩm, tỷ lệ che phủ đất... Muốn nâng cao hiệu quả sử dụng đất phải thực hiện tốt, đồng bộ các biện pháp kỹ thuật và chính sách kinh tế - xã hội trên cơ sở đảm bảo an toàn về lượng thực, thực phẩm, tăng cường nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và nông lâm sản cho xuất khẩu [11].

- Đất nông nghiệp cần phải được quản lý và sử dụng một cách bền vững. Sự bền vững ở đây là sự bền vững cả về số lượng và chất lượng, có nghĩa là đất

đai phải được bảo tồn không chỉ đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà còn cho thế hệ tương lai. Sự bền vững của đất đai gắn liền với điều kiện sinh thái, môi trường. Vì vậy, các phương thức sử dụng đất nông lâm nghiệp phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường đất, đáp ứng được lợi ích trước mắt và lâu dài.

Như vậy, để sử dụng đất triệt để và có hiệu quả, đảm bảo cho quá trình sản xuất được liên tục thì việc tuân thủ những nguyên tắc trên là việc làm cần thiết và hết sức quan trọng với mỗi quốc gia.

1.1.2 Tình hình sử dụng đất nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam

1.1.2.1 Tình hình sử dụng đất nông nghiệp trên thế giới

Đất nông nghiệp là yếu tố vô cùng quan trọng đối với sản xuất nông - lâm nghiệp. Trên thế giới, mặc dù nền sản xuất nông nghiệp của các nước phát triển ở trình độ không giống nhau nhưng tầm quan trọng của nông nghiệp đối với đời sống con người thì quốc gia nào cũng phải thừa nhận. Hầu hết các nước coi sản xuất nông nghiệp là cơ sở của sự phát triển. Tuy nhiên, khi dân số tăng nhanh thì nhu cầu lương thực, thực phẩm là một sức ép rất lớn. Để đảm bảo an ninh lương thực, loài người phải tăng cường khai hoang để có thêm đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Thêm nữa, đất đai lại bị khai thác triệt để, không có biện pháp ổn định độ phì nhiêu của đất. Kết quả là, hàng loạt diện tích đất bị thoái hoá trên phạm vi toàn thế giới. Đất bị mất chất dinh dưỡng, hữu cơ do bị xói mòn, nhiễm mặn... Ước tính có tới 15% tổng diện tích đất toàn cầu bị thoái hoá do nhân tác [24]. Theo P.Buringh, diện tích đất có khả năng nông nghiệp của thế giới khoảng 3,3 tỷ ha (chiếm 22% tổng diện tích đất liền), trong đó, đất đang sử dụng khoảng 1,5 tỷ ha. Như vậy, còn 54% đất có khả năng trồng trọt chưa được khai thác [32].

Đất đai trên thế giới phân bố ở các châu lục không đều. Tuy có diện tích đất nông nghiệp khá cao so với các Châu lục khác nhưng Châu Á lại có tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên thấp. Mặt khác,

Châu Á là nơi tập trung phần lớn dân số thế giới, ở đây có các quốc gia dân số đông nhất nhì thế giới là Trung Quốc, Ấn Độ, Indonexia. Ở Châu Á, đất đồi núi chiếm 35% tổng diện tích. Tiềm năng đất trồng trọt nhờ nước trời nói chung là khá lớn khoảng 407 triệu ha, trong đó xấp xỉ 282 triệu ha đang được trồng trọt và khoảng 100 triệu ha chủ yếu nằm trong vùng nhiệt đới ẩm của Đông Nam Á. Phần lớn diện tích này là đất dốc và chua; khoảng 40-60 triệu ha trước đây vốn là đất rừng tự nhiên che phủ, nhưng đến nay do bị khai thác khốc liệt nên rừng đã bị phá và thảm thực vật đã chuyển thành cây bụi và cỏ dại.

Đất canh tác của thế giới có hạn và được dự đoán là ngày càng tăng do khai thác thêm những diện tích đất có khả năng nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu về lương thực thực phẩm cho loài người. Tuy nhiên, do dân số ngày một tăng nhanh nên bình quân diện tích đất canh tác trên đầu người ngày một giảm.

Đông Nam Á là một khu vực đặc biệt. Từ số liệu của UNDP năm 1995 [14] cho ta thấy đây là một khu vực có dân số khá đông trên thế giới nhưng diện tích đất canh tác thấp, trong đó chỉ có Thái Lan là diện tích đất canh tác trên đầu người khá nhất, Việt Nam đứng hàng thấp nhất trong số các quốc gia ASEAN.

1.1.2.2. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp của Việt Nam

Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2010, Việt Nam có tổng diện tích tự nhiên là 33.094.706 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp có 10.118.221 ha, dân số là 86.927,7 nghìn người, bình quân diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 1.163,98 m²/ người.

Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất nhằm thoả mãn nhu cầu cho xã hội về sản phẩm nông nghiệp đang trở thành vấn đề cấp bách luôn được các nhà quản lý và sử dụng đất quan tâm. Thực tế cho thấy, trong những năm qua do tốc độ công nghiệp hoá cũng như đô thị hoá diễn ra khá mạnh mẽ ở nhiều địa phương trên phạm vi cả nước làm cho diện tích đất nông nghiệp ở Việt Nam có nhiều biến động, theo những tư liệu của Tổng cục Thống kê và

Bộ Tài nguyên và Môi trường thì biến động về số lượng đất nông nghiệp của nước ta trong những năm gần đây được thể hiện ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1. Biến động về diện tích đất sản xuất nông nghiệp và diện tích đất trồng cây hàng năm ở Việt Nam

Năm	Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp (1000 ha)	Tổng diện tích đất trồng cây hàng năm (1000 ha)	Dân số (1000 người)	Bình quân diện tích đất sản xuất nông nghiệp m²/người
2000	12.644,3	10.540,3	77.635	1.628
2005	9.415,6	6.370,0	83.120	1.132
2006	9.436,2	6.348,2	84.156	1.121
2007	9.420,3	6.309,6	85.155	1.106
2010	10.118,2	6.437,3	86.928	1.163

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2010.

Theo Nguyễn Đình Bồng (2002) [2] đất sản xuất nông nghiệp của chúng ta chỉ chiếm 28,38% diện tích tự nhiên và gần tương đương với diện tích này là diện tích đất chưa sử dụng. So với một số nước trên thế giới, nước ta có tỷ lệ đất nông nghiệp rất thấp. Do vậy, để phát triển một nền nông nghiệp đủ sức cung cấp lương thực thực phẩm cho toàn dân và có một phần xuất khẩu cần biết cách khai thác hợp lý đất đai, tiết kiệm và sử dụng đất có hiệu quả .

1.2 Đánh giá hiệu quả và tính bền vững trong sử dụng đất nông nghiệp

1.2.1 Sự cần thiết phải đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Thế giới đang sử dụng khoảng 1,5 tỷ ha đất cho sản xuất nông nghiệp. Tiềm năng đất nông nghiệp của thế giới khoảng 3 - 5 tỷ ha. Nhân loại đã làm hư hại khoảng 1,4 tỷ ha đất và hiện nay mỗi năm có khoảng 6 -7 triệu ha đất